CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

Bản án số: 66/2019/DS-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D,
TỈNH BÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Đinh Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên), sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019; 01 bản tự khai ngày 26/6/2019; 01 biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Bé T) trình bày:

Bà Bé T và bà M có mối quan hệ quen biết nên ngày 20/8/2018 bà Bé T có cho bà M mượn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 04/9/2018, bà Mai tiếp tục mượn của bà Bé T số tiền 30.000.000 đồng. Hai lần mượn tiền trên hai bên có lập giấy tay, bà M ký, ghi rõ họ tên xác nhận nợ, không thỏa thuận tiền lãi, thỏa thuận khi nào bà Bé T cần tiền thì báo trước cho bà M biết. Chiều ngày 04/9/2018, bà M lại mượn thêm số tiền 12.000.000 đồng, lần mượn tiền này bà M không ghi giấy nợ, chữ viết trên giấy nợ là do bà Bé T tự ghi.

Đến khi cần lấy lại tiền, bà Bé T đã nhiều lần thông báo cho bà M biết trước nhưng bà M cố tình trốn tránh cho đến nay không thanh toán. Vì vậy, bà Bé T khởi kiện yêu cầu bà M có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc là 142.000.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu đồng), tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử sơ thẩm, tạm tính là 10.335.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Ngày 12/9/2019 và tại phiên tòa, bà Bé T có đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 10.335.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền lãi. Như vậy, tổng số tiền bà Bé T yêu cầu bà M thanh toán là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

** Về phía bị đơn (bà M):* Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để thông báo cho bà M biết thời gian lên Tòa án làm việc để giải quyết vụ án nhưng phía bà M vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ, tài liệu được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

- 02 Giấy mượn tiền ngày 20/8/2018 và ngày 04/9/2018 (bản photo có đối chiếu bản chính);

- 01 Bản tự khai của nguyên đơn (bản chính);

- 01 Kết luận giám định số 399/GĐ-PC09 ngày 11/10/2019 của Công an tỉnh Bình Dương (bản chính);

- 02 biên bản xác minh ngày 08/8/2019 (bản chính);

- 01 đơn xin rút đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 (bản chính);

- Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/10/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự (vay tài sản) đây là tranh chấp dân sự nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 08/8/2019, Công an xã M, huyện D, tỉnh B xác nhận bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Lò Gạch, xã M, huyện D, tỉnh B, do chồng là ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1969 làm chủ hộ. Hiện nay bà M vẫn còn ở địa phương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu nên theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua ông Nguyễn Tấn H là đúng với quy định tại Khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét giấy mượn tiền ngày 20/8/2018 và giấy mượn tiền ngày 04/9/2018: Nội dung thể hiện, ngày 20/8/2019 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ngày 04/9/2018 nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Hai lần mượn tiền trên hai bên có lập giấy tay, bị đơn ký, ghi rõ họ tên xác nhận nợ, việc mượn tiền không thỏa thuận tiền lãi, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán, thỏa thuận khi nào nguyên đơn cần lấy lại tiền thì bị đơn sẽ hoàn trả. Chiều ngày 04/9/2018, bà M lại mượn thêm số tiền 12.000.000 đồng, lần mượn tiền này bà M không ghi giấy nợ, chữ viết trên giấy nợ là do bà Bé T tự ghi. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản không kỳ hạn được quy định tại Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự 2015. Giao dịch dân sự này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 117, 122 Bộ luật Dân sự 2015 nên có hiệu lực.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ cho bị đơn thông qua chồng của bị đơn là ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1969 để thông báo cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có ý kiến. Do quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn trên giấy nợ ngày 20/8/2018 và giấy nợ ngày 04/9/2018, tại Kết luận giám định số 399/GĐ-PC09 ngày 11/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận chữ ký "M" và chữ viết "Nguyễn Thị Kim M" trên giấy nợ ngày 20/8/2018 và giấy nợ ngày 04/9/2018 với chữ ký "M" và chữ viết "Nguyễn Thị Kim M" trên các mẫu giám định là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng là có thật. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đối với số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngày 12/9/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và số tiền lãi 10.335.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng), xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí giám định: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 122, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" của bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên).

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Nguyễn Thị Kim M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) về việc rút yêu cầu đối với số tiền gốc 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 10.335.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) 3.808.375 đồng (ba triệu tám trăm lẻ tám ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031814 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

- Bà Nguyễn Thị Kim M phải nộp 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về chí phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) chi phí giám định theo phiếu thu số 60 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh B. Bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) đã tạm ứng số tiền trên nên bà Nguyễn Thị Kim M phải nộp lại để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2019).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 189/DS-TLQĐ	*Dầu Tiếng, ngày 02 tháng 12 năm 2019*

TRÍCH LỤC
BẢN ÁN DÂN SỰ

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2019/DS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B đã xét xử giải quyết vụ án về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên), sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh B.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã M, huyện D, tỉnh B.

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 117, 122, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)" của bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên).

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Nguyễn Thị Kim M có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) về việc rút yêu cầu đối với số tiền gốc 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) và 10.335.000 đồng (mười triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) 3.808.375 đồng (ba triệu tám trăm lẻ tám ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031814 ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

- Bà Nguyễn Thị Kim M phải nộp 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về chí phí giám định: Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu 3.050.000 đồng (ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) chi phí giám định theo phiếu thu số 60 ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh B. Bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên) đã tạm ứng số tiền trên nên bà Nguyễn Thị Kim M phải nộp lại để hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé T (Duyên).

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng